

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HUẾ
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **120/2019/HSST**

Ngày: 17/6/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huế.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Trần Bích Thuỷ và bà Trần Thị Thanh Xuân.

-Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thanh Huế - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Cẩm- Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế (60 Nguyễn Huệ, Huế) xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 103/2019/HSST ngày 06 tháng 5 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 120 /2019/QĐXXST-HS ngày 31 /5/2019 đối với bị cáo:

Vĩnh H, tên gọi khác: Không; sinh ngày 08/02/1980 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; Nơi ĐKTT: Số nhà 01/92 đường N, phường V, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế; Nơi cư trú hiện nay: Số 01, tổ 12, thôn N, xã P, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Bửu L, sinh năm 1935 và bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1937; vợ: Lê Thị Thuỷ D, đã ly hôn; con: Có 01 con 11 tuổi;

Quá trình nhân thân: Lúc nhỏ sống với bố mẹ tại thành phố Huế, đi học văn hóa đến hết lớp 12 thì nghỉ học, sau đó lập gia đình, sinh sống tại địa phương cho đến ngày phạm tội.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Chị Nguyễn Thị Phương A, sinh năm 1996. Nơi cư trú: Tổ 17, khu vực 5, phường K, thành phố Huế, vắng mặt.

Người làm chứng:

Anh Trương Như Thái H, sinh năm 1993. Nơi cư trú: Số nhà 3 Ngõ 32 Kiệt 65 đường P, phường P, thành phố Huế, vắng mặt.

Chị Tôn Nữ Quỳnh N. Nơi cư trú: Số nhà 12 đường T, phường T, thành phố Huế, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ ngày 20/01/2019, Vĩnh H đến tại cửa hàng Thế giới di động ở số 02 Nguyễn Sinh C, phường V, thành phố Huế mua 01 máy điện thoại di động. Sau khi mua xong, Hoà chưa ra về mà tiếp tục đi xem các sản phẩm khác. Hoà nhìn thấy có một máy điện thoại di động iphone 6 Plus, màu xám bạc của chị Nguyễn Thị Phương A, là nhân viên của cửa hàng để trên bàn tư vấn khách hàng. Lợi dụng lúc không có người để ý, Hoà liền lấy máy bỏ vào túi quần rồi nhanh chóng tẩu thoát. Vĩnh H đưa chiếc điện thoại di động vừa chiếm đoạt được đi tìm nơi tiêu thụ nhưng không có người mua, nên đưa về nhà cất giấu.

Khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày, chị Nguyễn Thị Phương A chuẩn bị ra về thì phát hiện mất điện thoại nên cùng những người trong cửa hàng xem lại camera rồi trình báo với cơ quan Công an.

Vật chứng thu giữ: Một điện thoại di động hiệu iphone 6 Plus, màu xám bạc, có số Imel: 354388061297173; Hai đĩa CD chứa dữ liệu hình ảnh người thực hiện hành vi chiếm đoạt chiếc điện thoại di động hiệu iphone 6 Plus, màu xám bạc tại cửa hàng Thế giới di động, ngày 20/01/2019.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 77/KL-HĐĐG ngày 30/01/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Huế xác định: Trị giá điện thoại di động hiệu iphone 6 Plus, màu xám bạc, số Imel: 354388061297173, tại thời điểm bị chiếm đoạt là 3.500.000 đồng.

Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự: Cơ quan điều tra đã xử lý vật chứng, trả lại chiếc chiếc điện thoại di động cho chị Nguyễn Thị Phương A. Chị Phương A không có yêu cầu gì về trách nhiệm bồi thường dân sự.

Tại cơ quan điều tra, bị cáo Vĩnh H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Bản cáo trạng số 111/CT-VKS ngày 03/5/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế quyết định truy tố bị cáo Vĩnh H về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự .

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm h, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Vĩnh H từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng .

Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự: Do cơ quan điều tra đã trả lại cho chiếc điện thoại di động hiệu iphone 6 Plus cho chị Nguyễn Thị Phương A, chị A đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì thêm nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí : Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế. Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Tại phiên tòa, bị hại, người làm chứng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy sự vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử vụ án. Căn cứ điều 292, 293 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt họ theo thủ tục chung.

[1] Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Huế, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người làm chứng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Vĩnh H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, xét lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở để kết luận: Hành vi của bị cáo Vĩnh H lợi dụng sự sơ hở của chị Nguyễn Thị Phương A trong việc quản lý tài sản, lén lút chiếm đoạt chiếc điện thoại di động hiệu iphone 6 Plus của chị Nguyễn Thị Phương A, có trị giá 3.500.000 đồng, nên đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Do vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế đã truy tố đối với bị cáo Vĩnh H là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm h, i, s khoản 1 điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội và hình phạt: Hành vi chiếm đoạt tài sản của bị cáo nhằm mục đích hưởng lợi bất chính, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, đồng thời làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương.

Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên cần xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo.

Nhận thấy bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo tốt và không tiếp tục gây nguy hiểm cho xã hội, nên căn cứ Điều 36 của Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo bằng hình thức cải tạo không giam giữ, giao cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú và gia đình của bị cáo quản lý giáo dục cũng đủ tác dụng răn đe phòng ngừa. Xét bị cáo hiện tại không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định nên miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự: Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho chiếc điện thoại di động hiệu iphone 6 Plus cho chị Nguyễn Thị Phương A là đúng quy định của pháp luật. Chị Anh đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Vĩnh H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

-Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 36 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Vĩnh H 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Vĩnh H cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế nơi bị cáo cư trú giám sát giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Vĩnh H.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Vĩnh H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

-TAND tỉnh TTHuế;
-Sở Tư pháp tỉnh TTHuế;
-Phòng PV27 Công an tỉnh TTHuế;
-Công an thành phố Huế;
-VKSND thành phố Huế;
-THA HS, THA DS;
-Bị cáo, bị hại;
-Lưu.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Huế